

NHIỆP VỤ						
Điểm	Số lượng tác nhân	Số lượng bước	Số lượng rủi ro	Tích hợp hệ thống	Số lượng quy tắc nghiệp vụ	Khối lượng dữ liệu xử lý
1	1 tác nhân	1-3 bước	0-1 rủi ro	Không tích hợp	0-1 quy tắc	Dưới 1000 bản ghi
2	2 tác nhân	4-6 bước	2-3 rủi ro	Tích hợp với 1 hệ thống	2-3 quy tắc	1.000-10.000 bản ghi
3	3 tác nhân	7-10 bước	4-5 rủi ro	Tích hợp với 2-3 hệ thống	4-6 quy tắc	10.000-100.000 bản ghi
4	4-5 tác nhân	11-15 bước	6-7 rủi ro	Tích hợp với 4-5 hệ thống	7-10 quy tắc	100.000-1.000.000 bản ghi
5	Trên 5 tác nhân	Trên 15 bước	Trên 7 rủi ro	Tích hợp với trên 5 hệ thống	Trên 10 quy tắc	Trên 1.000.000 bản ghi
						Trên 20 trường

CÔNG NGHỆ				
Điểm	Mức độ sẵn có và dễ áp dụng	Mức độ cần nghiên cứu	Khả năng tích hợp với hệ thống hiện tại	
1	Công nghệ có sẵn, đã quen thuộc và dễ dàng triển khai, không cần điều chỉnh	Không cần nghiên cứu thêm. Công nghệ đã được ứng dụng rộng rãi và có tài liệu đầy đủ	Để dàng tích hợp với hệ thống hiện tại, không yêu cầu thay đổi kiến trúc	
2	Công nghệ đã được triển khai trước đây, chỉ cần tinh chỉnh nhỏ	Cần tìm hiểu thêm về tính năng nhưng không yêu cầu nghiên cứu sâu	Yêu cầu vài điều chỉnh nhỏ trong hệ thống hiện tại nhưng không ảnh hưởng lớn	
3	Công nghệ mới hơn, có vài phần phải tự chỉnh để phù hợp với dự án hiện tại	Cần nghiên cứu về một số thành phần hoặc cách áp dụng công nghệ phù hợp với quy trình của dự án	Tích hợp đòi hỏi sự thay đổi nhất định trong hệ thống, nhưng vẫn có khả năng thực hiện tương đối dễ dàng	
4	Công nghệ ít được sử dụng hoặc có tính tùy chỉnh cao, cần thiết kế lại quy trình triển khai	Cần nghiên cứu sâu về các thành phần và cấu trúc của công nghệ, đòi hỏi thời gian và tài nguyên cao	Tích hợp khó khăn, yêu cầu thay đổi cấu trúc hệ thống hiện tại	
5	Công nghệ mới hoàn toàn hoặc đặc thù, cần phát triển từ đầu, không có tài liệu hướng dẫn đầy đủ	Cần nghiên cứu sâu từ mức độ kiến trúc, pattern, hoặc framework mới, đòi hỏi nghiên cứu và thử nghiệm	Tích hợp rất phức tạp, có thể yêu cầu tái cấu trúc hoàn toàn hệ thống hiện tại	

GIAO DIỆN				
Điểm	Số lượng màn hình hoặc trang	Số lượng thành phần giao diện (Components)	Mức độ tùy chỉnh của giao diện	Khả năng tương tác
1	1-2 màn hình đơn giản	l/hơn 5 components đơn giản (ví dụ: nút, hộp văn bản)	Không cần tùy chỉnh gì thêm, chỉ dùng giao diện có sẵn	Không có hoặc ít tương tác, chỉ cần nhập thông tin đơn giản
2	3-4 màn hình	5-10 components, chủ yếu là các components có sửa màu sắc hoặc bô cục	Tùy chỉnh nhẹ, chủ yếu chỉnh bô cục	Cần tối ưu đơn giản cho các thiết bị di động
3	5-6 màn hình	10-15 components, có sử dụng các components phức tạp hơn (ví dụ: bảng dữ liệu, dropdown)	Tùy chỉnh đáng kể, cần điều chỉnh bố cục và logic hiển thị	Cần tối ưu hóa cho cả máy tính và thiết bị di động
4	7-10 màn hình	15-20 components, bao gồm nhiều components phức tạp (ví dụ: biểu đồ, editor)	Giai đoạn sau, có thể phải thiết kế lại một phần lớn giao diện	Tương tác phức tạp, cần cập nhật theo thời gian thực hoặc có nhiều bước quy trình
5	Trên 10 màn hình	Trên 20 components, nhiều thành phần tùy chỉnh phức tạp	Cần phát triển giao diện mới từ đầu, không sử dụng lại nhiều từ các template có sẵn	Tương tác phức tạp và liên tục, nhiều yêu cầu về animation và cập nhật dữ liệu trực tiếp

Chức năng tương tự	
Điểm	Độ tương tự
1	0% - 20%
2	21% - 40%
3	41% - 60%
4	61% - 80%
5	81%-99%

Priority	
Điểm	Mô tả
1	Rất cao: Use case bắt buộc phải có trong MVP, nếu thiếu sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính khả dụng của sản phẩm.
2	Cao: Use case quan trọng và nên có trong MVP, tác động đáng kể đến giá trị sản phẩm.
3	Trung bình: Use case có giá trị nhưng không phải là ưu tiên cao, chỉ nên thêm nếu còn nguồn lực.
4	Thấp: Use case có giá trị thấp, không cần thiết phải có trong MVP nhưng có thể thêm sau.
5	